TÀI LIỆU THÔNG SỐ KỸ THUẬT

H1(G2)/AC1(G2)-WL

BỘ BIẾN TẦN HYBRID/AC MỘT PHA



ĐIỆN ÁP CAO

Bao gồm pin điện áp cao để đạt hiệu suất chuyển đổi toàn phần tối đa.

LẮP ĐẶT DỄ DÀNG

Cấu hình linh hoạt, thiết lập plug and play.

ĐẠT TIÊU CHUẨN IP65

Thiết kế bền bỉ với độ linh hoạt tối đa. Phù hợp để lắp đặt ngoài trời.

GIÁM SÁT TỪ XA

Giám sát hệ thống của bạn từ xa qua ứng dụng điện thoại thông minh hoặc cổng web.



Advanced System Monitoring
with FoxCloud V2.0

Tinh tế - Mạnh mẽ - Linh hoạt

Tận dụng sức mạnh của mặt trời ngày và đêm với dòng biến tần Hybrid & AC đột phá từ Fox ESS. Đầy ắp các tính năng tiên tiến và tương thích hoàn hảo với dòng pin điện áp cao của chính chúng tôi, dòng Hybrid từ Fox ESS đem lại giải pháp năng lượng tối ưu.

2.5kW ••• 6kW

Để biết thêm thông tin về dòng sản phẩm Fox ESS, vui lòng truy cập:

www.fox-ess.com



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

MẪU	H1-2.5-E-G2-WL AC1-2.5-E-G2-WL	H1-3.0-E-G2-WL AC1-3.0-E-G2-WL	H1-3.7-E-G2-WL AC1-3.7-E-G2-WL	H1-4.0-E-G2-WL AC1-4.0-E-G2-WL	H1-4.6-E-G2-WL AC1-4.6-E-G2-WL	H1-5.0-E-G2-WL AC1-5.0-E-G2-WL	H1-6.0-E-G2-WL AC1-6.0-E-G2-WL
ĐẦU VÀO PV (CHỈ DÀNH CHO HYBRID)							
Công suất PV tối đa [Wp]	5000	6000	7400	8000	9200	10000	12000
Công suất đầu vào DC tối đa (PV1+PV2) [W]	5000	6000	7400	8000	9200	10000	12000
Công suất đầu vào MPPT tối đa (mỗi MPPT) [W]				6000			
Điện áp đầu vào tối đa [V]				600			
Điện áp khởi động đầu vào [V]				75			
Điện áp đầu vào định mức [V]				360			
Dải điện áp hoạt động MPPT [V]				80 ~ 550			
Dòng điện đầu vào tối đa [A]				16/16			
Dòng điện ngắn mạch tối đa [A]				20/20			
Số lượng bộ theo dõi MPPT				2			
Số dây nối mỗi bộ theo dõi MPPT				1			
PIN							
Loại pin				Pin lithium (LFP)			
Điện áp pin [V]				80 ~ 480			
Dòng điện sạc/xả tối đa [A]				40			
Giao diện truyền thông				CAN (giao tiếp với bộ biến tần, nâng cấp BMS)			
ĐẦU VÀO VÀ ĐẦU RA AC (LƯỚI ĐIỆN)							
Công suất đầu vào AC tối đa [VA]	3000	6000	7680	8000	9200	10000	12000
Dòng điện đầu vào AC tối đa (mỗi pha) [A]	13.6	27.3	34.9	36.4	41.8	45.5	54.5
Công suất đầu ra định mức [W]	2500	3000	3680	4000	4600	5000	6000
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa [VA]	2750	3300	4048/3680*1	4400	5060	5500	6600
Dòng điện đầu ra định mức (mỗi pha) [A]	11.4	13.6	16.7/16.0*1	18.2	20.9	22.7	27.3
Dòng điện đầu ra tối đa [A]	12.5	15.0	18.4	20.0	23.0	25.0	30.0
Điện áp lưới định mức [V]				220/230/240			
Tần số lưới định mức [Hz]				50/60			
Hệ số công suất				1 (Có thể điều chỉnh từ 0.8 sớm pha đến 0.8 trễ pha)			
THDi [%]				<3 @ công suất định mức			
ĐẦU RA EPS (VỚI PIN)							
Công suất biểu kiến đầu ra tối đa [VA]	2500	3000	3680	4000	4600	5000	6000
Công suất biểu kiến đầu ra đỉnh (60 giây) [VA]	3000	3600	4400	4800	5500	6000	7200
Dòng điện tối đa (mỗi pha) [A]	11.4	13.6	16.7	18.2	20.9	22.7	27.3
Điện áp đầu ra định mức [V]				220/230/240			
Tần số đầu ra định mức [Hz]				50/60			
Hệ số công suất				1 (Có thể điều chỉnh từ 0.8 sớm pha đến 0.8 trễ pha)			
THDv (Tải tuyến tính) [%]				<2 @ công suất định mức			
Số lượng thiết bị hoạt động song song [chiếc]				10			
Thời gian chuyển mạch [ms]				<10			
HIỆU SUẤT							
Hiệu suất châu Âu [%]	95.26	95.26	95.70	95.90	96.23	96.30	96.33
Hiệu suất tối đa [%]	97.01	97.01	97.08	97.08	97.04	97.08	97.08
Hiệu suất sạc pin tối đa (PV đến BAT) (@Tải đầy) [%]				98.50			
Hiệu suất xả pin tối đa (BAT đến AC) (@Tải đầy) [%]				97.00			
BẢO VỆ							
Giám sát cách điện				Có			
Giám sát dòng điện dư				Có			
Bảo vệ đảo cực DC				Có			
Bảo vệ chống đảo lưới				Có			
Bảo vệ ngắn mạch AC				Có			
Bảo vệ quá dòng/quá áp AC				Có			
Công tắc DC				Có			
Chức năng đánh thức pin				Có			
SPD				DC: Loại II / AC: Loại III			
AFCI				Tùy chọn			
DỮ LIỆU CHUNG							
Kích thước (R*C*S) [mm]				434*418*185			
Trọng lượng [kg]				22			
Lắp đặt				Gắn tường			
Cấu trúc liên kết				Không cách ly			
Phương pháp làm mát				Tự nhiên			
Độ ồn phát ra [dB]				35			
Độ cao hoạt động tối đa [m]				2000			
Dải nhiệt độ hoạt động [°C]				-25 ~ 60			
Độ ẩm (không ngưng tụ) [%]				0 ~ 100			
Mức độ bảo vệ chống xâm nhập				IP65			
Tiêu thụ điện khi chờ [W]				<15			
Mô-đun giám sát				WiFi, LAN (Tùy chọn), 4G (Tùy chọn)			
Giao tiếp				RS485, DRM, Điều khiển sóng, USB, CAN, SG Ready			
Màn hình hiển thị				LCD, Ứng dụng, Trang web			
TIÊU CHUẨN							
An toàn				EN 62109-1, EN 62109-2			
Quy định lưới điện				G98, G99, EN50549, AS / NZS 4777.2			

*Các đặc tính kỹ thuật khác có thể được cung cấp theo yêu cầu và tùy chỉnh.
1. 3680 cho G98.